

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 299/2014/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định hệ số K thành phần để áp dụng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 54/TTr-SNN ngày 22 tháng 5 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số K thành phần áp dụng để chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Hệ số K_1, K_2, K_3 áp dụng theo các Điều a, b và c, Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Hệ số K_4 : Điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mức độ khó khăn đối với việc bảo vệ rừng:

a. Đối với địa bàn xã đặc biệt khó khăn thì hệ số $K_4 = 1,00$.

b. Đối với địa bàn còn lại thì hệ số $K_4 = 0,90$.

Địa bàn xã đặc biệt khó khăn được xác định theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì chỉ đạo các cơ quan có liên quan, tiến hành xác định hệ số K của các lô rừng đối với chủ rừng là tổ chức theo Quyết định này để làm cơ sở thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan có liên quan, tiến hành xác định hệ số K của các lô rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn theo Quyết định này để làm cơ sở thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3. Chủ rừng là tổ chức Nhà nước thống nhất việc áp dụng hệ số K với hộ nhận khoán bảo vệ rừng và được thể hiện trong hợp đồng khoán.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Uy*

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Công báo Bắc Giang;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KT, KTN, MT, TN;
 - + Lưu VT, NN(4).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Hải